

Bản án số: 210/2025/DS-ST

Ngày: 28-05-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A

2. Ông Vũ Ngọc Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH MTV Số V

Trụ sở: đường L, phường Đ, quận K, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ – chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người được uỷ quyền lại: Ông Cao Phú X – sinh năm 1976; địa chỉ: đường T, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định uỷ quyền số 03/2025/QĐ-BTY ngày 08/5/2025) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Mỹ T – sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, Phường N, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hiện đang chấp hành án tại trại giam Long Hòa, phân trại số 1, ấp 9, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2023 của Ngân hàng TNHH MTV Số V, các bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/6/2013, Ngân hàng TNHH MTV Số V và bà Lê Mỹ T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số CC0802053, số tài khoản thẻ 0800006275, hạn mức thẻ visa: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 11/6/2013 đến ngày 30/6/2016), lãi suất 18%/năm, mục đích vay để tiêu dùng và không có tài sản đảm bảo.

Từ ngày được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng bà T thực hiện tổng giao dịch là 14.122.450 đồng nhưng không thanh toán cho Ngân hàng số tiền nào. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 16/8/2016 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 28/5/2025, bà T còn nợ tổng số tiền là 60.685.124 đồng, trong đó: Vốn gốc là 14.122.450 đồng, lãi trong hạn là 3.415.091 đồng, lãi quá hạn là 33.502.707 đồng, phí chậm thanh toán là 9.644.876 đồng (tính phí chậm thanh toán được căn cứ theo Quyết định số 1366/QĐ-DAB ký ngày 07/4/2015).

Nay, Ngân hàng yêu cầu bà T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/5/2025 là 60.685.124 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29/05/2025 đến ngày bà T thực trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Visa DongA Bank.

Bị đơn: Tại bản khai ngày 28/4/2025, bà Lê Mỹ T thống nhất có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TNHH MTV Số V. Bà T đồng ý nợ cho Ngân hàng, nhưng hiện tại đang chấp hành án nên không có điều kiện thanh toán, bà T xin Ngân hàng gia hạn đến khi bà T chấp hành án xong sẽ thanh toán cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay,

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số CC0802053 ký ngày 11/6/2013, thì các bên thoả thuận địa chỉ của bị đơn tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Xét bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền vay:

Căn cứ lời khai của các đương sự phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Ngày 11/06/2013, Ngân hàng TNHH MTV Số V và bà Lê Mỹ T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số CC0802053, số tài khoản thẻ 0800006275, hạn mức thẻ visa: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 11/6/2013 đến ngày 30/6/2016), lãi suất 18%/năm, mục đích vay để tiêu dùng và không có tài sản đảm bảo. Từ ngày được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng bà T thực hiện tổng giao dịch là 14.122.450 đồng nhưng không thanh toán cho Ngân hàng số tiền nào. Tạm tính đến ngày 28/5/2025, bà T còn nợ tổng số tiền là 60.685.124 đồng, trong đó: Vốn gốc là 14.122.450 đồng, lãi trong hạn là 3.415.091 đồng, lãi quá hạn là 33.502.707 đồng, phí chậm thanh toán là 9.644.876 đồng (phí chậm thanh toán quy định tại Điều 4 của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Quyết định số 1366/QĐ-DAB ký ngày 07/4/2015 v/v ban hành biểu phí dịch vụ tín dụng và thẻ tín dụng).

Xét, bị đơn cũng thông nhất còn nợ nguyên đơn số tiền vay của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; nguyên đơn khai báo về số tiền mà bị đơn hiện còn nợ là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất:

Xét thấy, tại Điều 4, Điều 7 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/06/2013 và Quyết định số 954/QĐ-DAB ngày 20/5/2013 v/v ban hành khung lãi suất cho vay thì giữa Ngân hàng với bà T có thoả thuận lãi suất cho vay là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2.3] Về thời hạn thanh toán:

Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán theo như thoả thuận trong Hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn

yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Mỹ T phải thanh toán cho Ngân hàng TNHH MTV Số V tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/05/2025 là: 60.685.124 đồng (*sáu mươi triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn một trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó: Vốn gốc là 14.122.450 đồng, lãi trong hạn là 3.415.091 đồng, lãi quá hạn là 33.502.707 đồng, phí chậm thanh toán là 9.644.876 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số CC0802053 ngày 11/6/2013, số tài khoản thẻ 0800006275.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.034.256 đồng (*ba triệu*

không trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi sáu đồng) và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng TNHH MTV Số V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.349.458 đồng (*một triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi tám đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035456 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng TNHH MTV Số V có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Mỹ T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Vân